TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-PT
Ngày: 08/3/2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ môi giới".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - V

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* Ông Trương Văn Tâm
Ông Đào Đức Thiện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt H – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - V, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ môi giới", do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2018/DSST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐPT-DS ngày 14/02/2019, quyết định thay đổi người tiến Hành tố tụng số 17/2019/QĐPT-DS ngày 04/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cổ Mỹ L, sinh năm 1958; địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Việt H, sinh năm 1977; địa chỉ: đại lộ D, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 11/6/2018) (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N; địa chỉ: quận Đ, thành phố H Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch N, thành phố V.

Địa chỉ: phường N, thành phố R, tỉnh Bà Rịa-V. (Có mặt)

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố H Nội; địa chỉ: Văn phòng luật sư A, phường K, quận H Đông, thành phố H Nội. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: nguyên đơn Cổ Mỹ L, bị đơn Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Cổ Mỹ L và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2014, bà nhờ bà H giới thiệu luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Bà H đã giới thiệu với điều kiện bà và bà H sẽ ký hợp đồng môi giới. Qua giới thiệu của bà H, ngày 09/7/2014 bà và Văn phòng luật sư I (địa chỉ: phường K, quận Đ, thành phố H Nội) đã ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01.DS/2014/HĐ-I, với nội dung chính: Tư vấn, soạn tH1 hồ sơ pháp lý và các căn cứ pháp luật cần thiết có lợi cho bà làm căn cứ đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm ngày 03/7/2014 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong vụ án Tranh chấp thừa kế tài sản mà bà là nguyên đơn; gặp gỡ, tiếp xúc và làm việc với các cá nhân, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện nội dung trên.

Sau khi tìm được Văn phòng luật sư như ý muốn, ngày 15/7/2014, bà và bà H đã ký hợp đồng môi giới số 07/2014/HĐMDĐQ, nội dung: bà đồng ý giao cho bà H thực hiện dịch vụ môi giới theo nội dung chi tiết của Hợp đồng số 01.DS/2014/HĐ-I; phí môi giới thỏa thuận là 500.000.000 đồng, thanh toán 150.000.000 đồng tiền mặt ngay sau khi ký kết hợp đồng, còn lại 350.000.000 đồng sẽ thanh toán ngay sau khi nhận được quyết định giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm ngày 03/7/2014 với nội dung có lợi cho bà. Bà và bà H ký Hợp đồng quản lý tài sản và sử dụng tài sản chung, cùng đứng tên đồng sở hữu 350.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm số TK –tại Chi nhánh Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh V, phòng giao dịch N.

Vì bà H1, luật sư Văn phòng luật sư I, không làm được gì cho bà từ hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01 nên bà và bà H1 đã thanh lý hợp đồng bằng biên bản số 01/HĐTL-VP ngày 25/7/2015. Hợp đồng dịch vụ pháp lý không còn giá trị nên hợp đồng môi giới giữa bà và bà H cũng không có giá trị pháp lý.

Nay bà khởi kiện bà H tại Tòa án yêu cầu: Tuyên hợp đồng môi giới số 07/2014/HĐMDĐQ vô hiệu; bà H hoàn trả cho bà 150.000.000 đồng đã nhận và 11.200.000 đồng lãi; công nhận 350.000.000 đồng tại sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AL là của bà, buộc ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh V, phòng giao dịch N giải ngân cho bà; buộc bà H trả chi phí thu thập chứng cứ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà L rút yêu cầu về việc buộc bà H trả lãi và chịu chi phí thu thập chứng cứ.

2. Theo đơn phản tố và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn trình bày:

Thống nhất lời khai của nguyên đơn về quá trình trao đổi, giới thiệu, thỏa thuận và giao kết Hợp đồng môi giới; nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì:

+ Khoản 1 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, trong thời hạn 1 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đó thì đương sự có quyền đề nghị bằng văn bản với những người có thẩm quyền kháng nghị tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ khi ký kết (ngày 09/7/2014) đến khi thanh lý (ngày 25/7/2015) Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01.DS/2014/HĐ bằng Biên bản thanh lý hợp đồng giữa bà Cổ Mỹ L và bà Nguyễn Thị H1 là 1 năm 16 ngày.

+ Theo văn bản số 46 ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì ngày 24/7/2014 Tòa án nhân dân tối cao nhận được đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm của bà Cổ Mỹ L, là sau khi bà L ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01 với I 15 ngày. Bà H1 cũng xác định đã thực hiện các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng 01.DS/2014/HĐ-I; đến tháng 7/2015, bà L yêu cầu và hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng khi chưa có kết quả giám đốc thẩm. Nay đã có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm theo như yêu cầu ban đầu của bà L trên cơ sở các công việc dịch vụ mà bà H1 đã thực hiện.

Ngày 06/02/2018, bà H có "Đơn yêu cầu phản tố" yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng môi giới số 07 có hiệu lực, bà H không phải trả cho bà L 150.000.000 đồng và được sở hữu 350.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm số AL. Vì bà H không nộp tạm ứng án phí theo thông báo nên Tòa án nhân dân thành phố V không thụ lý yêu cầu này của bà H.

3. Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

Ngân Hàng N – Chi nhánh V, Phòng giao dịch N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/7/2014, tại Phòng giao dịch N, Ngân Hàng N chi nhánh V, các bà Cổ Mỹ L, Lê Thị H cùng yêu cầu mở 01 sổ tiết kiệm đồng sở hữu 350.000.000 đồng số TK. Theo "Hợp đồng quản lý và sử dụng tài khoản chung" ngày 15/7/2014, bà L và bà H có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài khoản chung, việc quản lý và sử dụng tài khoản phải có sự chấp thuận của cả hai bên bằng văn bản; mọi giao dịch L quan đến tài khoản đồng sở hữu phải có chữ ký của hai bên trên các chứng từ gửi ngân Hàng. Do đó, mọi giao dịch L quan đến tài khoản số chỉ được N chi nhánh V thực hiện khi bà L và bà H cùng ra ngân Hàng và cùng ký trên các chứng từ L quan hoặc khi có phán quyết của Tòa án L quan đến tài khoản trên.

4. Người làm chứng Nguyễn Thị H1 trình bày:

Ngày 09/7/2014, bà là Phó trưởng Văn phòng luật sư I ký với bà Cổ Mỹ L hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01.DS/2014/HĐ-I với nội dung: Tư vấn, soạn tH1,

hoàn thiện hồ sơ pháp lý và các căn cứ pháp luật cần thiết và có lợi cho bà L để làm căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm bản án phúc thẩm ngày 03/7/2014 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong vụ án "Tranh chấp thừa kế tài sản"; thay mặt bà L gặp gỡ, tiếp xúc và làm việc với các cá nhân, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền trong quá trình đề nghị kháng nghị bản án phúc thẩm trên.

Ngày 25/7/2015, khi yêu cầu kháng nghị giám đốc thẩm của bà L đã được Tòa án nhân dân tối cao thụ lý để giải quyết thì bà yêu cầu hủy Hợp đồng dịch vụ số 01 với lý do thời hạn 1 năm đã hết mà chưa có kết quả giám đốc thẩm. Bà thuyết phục bà L chờ nhưng bà L không đồng ý, nên hai bên đã thanh lý Hợp đồng số 01 bằng Biên bản thanh lý ngày 25/7/2015. Văn phòng luật sư I đã trả lại cho bà L 455.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí công tác thực tế là 45.000.000 đồng. Bà và văn phòng luật sư I không biết, không L quan đến hợp đồng môi giới giữa bà L và bà H, nên bà không đồng ý tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trong vụ án. Bà xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2018/DSST ngày 15/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố V tuyên xử: đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà H trả lãi; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu bà H trả lại 150.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L; tuyên bố hợp đồng môi giới số 072017/HĐMGĐQ ngày 15/7/2014 giữa bà L và bà H có hiệu lực pháp luật và chấm dứt hợp đồng môi giới này, chấm dứt Hợp đồng quản lý và sử dụng tài khoản chung lập ngày 15/7/2014 và bà L được nhận lại 350.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AL TK tại Phòng giao dịch N Ngân Hàng N Việt Nam chi nhánh V.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo, yêu cầu và trách nhiệm thi hành án, trách nhiệm phát sinh do chậm thi hành án theo luật định.

Ngày 28/8/2018, bà L kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng tuyên Hợp đồng môi giới vô hiệu, buộc bà H trả lại 150.000.000 đồng đã nhận, công nhận cho bà L sở hữu toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng theo Sổ tiết kiệm số tại Ngân Hàng N chi nhánh V; vì án sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, xét xử chưa đúng pháp luật, không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Ngày 09/9/2018, bà H kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng tuyên số tiền 350.000.000 đồng trong Sổ tiết kiệm số AL. trong Ngân Hàng N thuộc quyền sở hữu của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng như các đương sự đã tuân theo đúng quy định pháp luật, không vi phạm về thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: nguyên đơn và bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Các đương sự tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn xin miễn án phí là có căn cứ và thuộc diện được miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần xét xử phúc thẩm và căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho nguyên đơn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Cổ Mỹ L, bị đơn Lê Thị H đúng theo quy định pháp luật và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Cổ Mỹ L khởi kiện yêu cầu tuyên bố tranh chấp Hợp đồng môi giới đã giao kết với và Lê Thị H số 07/2014/HĐMDĐQ ngày 15/7/2014 vô hiệu, yêu cầu bà H trả lại 150.000.000 đồng đã nhận kèm theo lãi phát sinh, và bà được sở hữu toàn bộ 350.000.000 đồng trong tài khoản đồng sở hữu mà cả hai đã mở tại Ngân Hàng N chi nhánh V, Phòng giao dịch N, được Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Cả nguyên đơn và bị đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 52/2018/DSST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V. Căn cứ các Điều 38, 270, 271, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – V.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa phúc thẩm, nhưng người làm chứng Nguyễn Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ý kiến đã thể hiện rõ trong hồ sơ và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

Xét yêu cầu của bị đơn Lê Thị H: Bà H yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng môi giới đã giao kết với bà L có hiệu lực, bà không phải trả cho bà L 150.000.000 đồng và được sở hữu 350.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm số AL, thể hiện tại "Đơn yêu cầu phản tố" ghi ngày 06/02/2018. Cấp sơ thẩm xác định đây là yêu cầu phản tố nên báo bà H nộp tạm ứng, và không thụ lý giải quyết yêu cầu của bà H vì không nộp tạm ứng án phí theo yêu cầu.

Đây là ý kiến của bị đơn trong vụ án trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứ không phải yêu cầu phản tố như cấp sơ thẩm đã xác định. Sau khi có bản án sơ thẩm, bà H tiếp tục kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, công nhận cho

bà được sở hữu 350.000.000 đồng trong tài khoản chung mở tại Ngân hàng theo thỏa thuận ghi nhận tại Hợp đồng môi giới. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà H rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, nên cấp phúc thẩm không xem xét nội dung yêu cầu cũng như nội dung kháng cáo của bà H. Đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm phân biệt ý kiến của đương sự với yêu cầu phản tố.

[2.] *Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:*

[2.1.] Về nội dung vụ án:

Năm 2014, bà H môi giới cho bà L gặp gỡ và ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý số 01.DS/2014/HĐ-I ngày 09/7/2014 với Văn phòng luật sư I. Giữa hai người đã ký hợp đồng môi giới số 07/2014/HĐMDĐQ ngày 15/7/2014 với nội dung yêu cầu thỏa thuận dựa theo hợp đồng dịch vụ pháp lý trên, phí môi giới thỏa thuận là 500.000.000 đồng, và bà L đã giao cho bà H 150.000.000 đồng, số còn lại sẽ thanh toán khi nhận được quyết định giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm ngày 03/7/2014 với nội dung có lợi cho bà L.

Hơn một năm sau ngày ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý mà kết quả chưa đạt được, bà L và Văn phòng luật sư I thỏa thuận thanh lý hợp đồng trên cơ sở phần công việc đã được thực hiện. Bà L cho rằng Hợp đồng dịch vụ pháp lý không còn giá trị nên hợp đồng môi giới giữa bà và bà H cũng không có giá trị pháp lý, nên khởi kiện đòi bà H trả lại 150.000.000 đồng đã nhận và tiền lãi, bà không phải trả 350.000.000 đồng còn lại như thỏa thuận. Bà H không đồng ý với yêu cầu của bà L, đề nghị xác định Hợp đồng môi giới có hiệu lực và không phụ thuộc và Hợp đồng dịch vụ pháp lý cũng như việc thanh lý Hợp đồng dịch vụ pháp lý, nên bà không phải trả lại 150.000.000 đồng đã nhận, được tiếp tục nhận 350.000.000 đồng còn lại như thỏa thuận vì hiện nay kết quả đạt được giống như yêu cầu khi giao kết Hợp đồng môi giới nói trên.

[2.2.] Về yêu cầu kháng cáo:

Tại phiên tòa, cả bà L và bà H đều tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo, đồng ý với cách giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm, theo đó Hợp đồng môi giới đã giao kết giữa hai bên có hiệu lực pháp luật và chấm dứt hiệu lực cùng với việc chấm dứt Hợp đồng trợ giúp pháp lý giữa Văn phòng luật sư I và bà L; vì vậy, bà H không phải trả lại cho bà L 150.000.000 đồng đã nhận, bà L được quyền sở hữu 350.000.000 đồng trong tài khoản tiết kiệm mở tại Ngân Hàng N; bà L có đơn xin miễn án phí và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm của các đương sự là tự nguyện nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo L quan, chỉ xem xét yêu cầu xin miễn án phí của bà L. Vì bà L đã hơn 60 tuổi, thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nên Hội đồng

xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của L, miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà L theo quy định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3.] *Về án phí*: như nhận định ở trên, miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà L là đối tượng được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 284, Điều 298, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị H, đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Cổ Mỹ L; chỉ xem xét và chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Cổ Mỹ L về phần án phí dân sự sơ thẩm. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 52/2018/DSST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V về phần án phí.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 38, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 122, 518, 525 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cổ Mỹ L về việc buộc bị đơn Lê Thị H trả 38.749.999 đồng (Ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng) tiền lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cổ Mỹ L.

Tuyên bố hợp đồng môi giới số 072017/HĐMGĐQ ngày 15/7/2014 giữa bà Cổ Mỹ L và bà Lê Thị H có hiệu lực pháp luật; chấm dứt Hợp đồng này và Hợp đồng quản lý và sử dụng tài khoản chung lập ngày 15/7/2014 tại Phòng giao dịch N Ngân Hàng N chi nhánh V.

Bà Cổ Mỹ L được nhận lại 350.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AL TK tại Phòng giao dịch N Ngân Hàng N, chi nhánh V.

Phòng giao dịch N Ngân Hàng N chi nhánh V thực hiện các thủ tục để bà Cổ Mỹ L được nhận lại số tiền trên.

Bà Lê Thị H không phải trả lại cho bà Cổ Mỹ L 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) đã nhận.

3. *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Cổ Mỹ L. Bà L được nhận lại 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố V theo biên lai thu số 0006560 ngày 19/5/2017.

4. *Chi phí tố tụng khác*: Bà Cổ Mỹ L tự nguyện chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) chi phí xác minh và đã nộp xong.

5. *Án phí dân sự phúc thẩm*:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Cổ Mỹ L. Bà L được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu số 0005103 ngày 11/9/2018.

Bà Lê Thị H nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố V theo biên lai thu số 0005174 ngày 21/9/2018, nên đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/3/2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V;
- Tòa án nhân dân thành phố V;
- Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Dân sự, hồ sơ.

Trần Minh Bắc